

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (5,0 điểm) Mỗi câu hỏi thí sinh chọn một phương án.

- Câu 1.** Lĩnh vực nào sau đây **không** thuộc về khoa học tự nhiên?
 A. Sinh Hóa. B. Thiên Văn. C. Lịch sử. D. Hoá học
- Câu 2.** Trong các vật thể sau, vật thể nào là vật thể nhân tạo?
 A. Con sư tử. B. Cây bàng. C. Quần áo. D. Cây hoa hồng.
- Câu 3.** Trong vật hữu sinh có chất nào chiếm tỉ lệ lớn nhất?
 A. Nước. B. Cacbon. C. Oxi. D. Hidro.
- Câu 4.** Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lý?
 A. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen.
 B. Cô cạn nước đường thành đường.
 C. Để lâu ngoài không khí, lớp ngoài của đinh sắt biến thành gỉ sắt màu nâu, giòn và xốp.
 D. Hơ nền cháy trong không khí chứa oxygen tạo thành carbon dioxide và hơi nước.
- Câu 5.** Phát biểu nào sau đây về oxygen là **không** đúng?
 A. Oxygen tan nhiều trong nước. B. Oxygen cần thiết cho sự sống
 C. Oxygen không mùi và không vị. D. Oxygen cần cho sự đốt cháy nhiên liệu.
- Câu 6.** Vỏ dây điện làm bằng nhựa hoặc cao su nhưng lõi dây điện làm bằng kim loại vì:
 A. Nhựa hoặc cao su, kim loại không có tính đàn hồi.
 B. Nhựa hoặc cao su, kim loại là chất dễ cháy.
 C. Nhựa hoặc cao su dẫn điện, kim loại cách điện.
 D. Nhựa hoặc cao su cách điện, kim loại dẫn điện.
- Câu 7.** Nhiên liệu hóa thạch
 A. là nguồn nhiên liệu tái tạo.
 B. là đá chứa ít nhất 50% xác động và thực vật.
 C. chỉ ba gồm dầu mỏ, than đá.
 D. là nhiên liệu hình thành từ xác sinh vật bị chôn vùi và biến đổi hàng triệu năm trước.
- Câu 8.** Ăn thức ăn nào để cơ thể được cung cấp Carbohydrate (chất đường bột)
 A. Rau quả tươi B. Gạo.
 C. Mỡ lợn. D. Thịt, cá.
- Câu 9.** Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?
 A. Nước khoáng. B. Nước biển. C. oxygen. D. Gỗ.
- Câu 10.** Chất nào sau đây tan nhiều trong nước nóng?
 A. Muối ăn. B. Nến. C. Khí carbon dioxide. D. Dầu ăn.
- Câu 11.** Tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống đúng hay sai; Vì sao?
 A. Đúng. Vì nó có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản.
 B. Đúng. Vì nó có đầy đủ hết các loại bào quan cần thiết.
 C. Đúng. Vì nó có nhiều hình dạng khác nhau phù hợp với các chức năng khác nhau.
 D. Đúng. Vì nó có nhiều kích thước khác nhau để đảm nhiệm các vai trò khác nhau.
- Câu 12.** Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?
 A. Mô. B. Tế bào. C. Biểu bì. D. Bào quan.
- Câu 13.** Thành phần nào giúp tế bào thực vật có khả năng quang hợp?
 A. Màng tế bào. B. Không bào. C. Ti thể. D. Lục lạp.
- Câu 14.** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ ở chỗ nào?
 A. Có màng tế bào. B. Có nhân.
 C. Có tế bào chất. D. Có nhân hoàn chỉnh.

Câu 15. Quá trình nào sau đây xảy ra nhờ sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào?

- A. Quả bóng to lên khi được bơm hơi.
- B. Quả táo trên cây to lên sau nhiều ngày đậu quả.
- C. Áo phao phồng lên sau khi lấy ra khỏi túi hút chân không.
- D. Gấu bông phồng lên sau khi được nhồi thêm bông.

Câu 16. Vật nào dưới đây là vật sống?

- A. Con chó.
- B. Con dao.
- C. Cây chổi.
- D. Cây bút.

Câu 17. Cơ thể nào sau đây là cơ thể đơn bào?

- A. Con chó.
- B. Trùng biến hình.
- C. Con ốc sên.
- D. Con cua.

Câu 18. Cấp độ tổ chức nhỏ hơn cấu tạo nên dạ dày là

- A. mô và hệ cơ quan.
- B. tế bào và cơ quan.
- C. tế bào và mô.
- D. cơ quan và hệ cơ quan.

Câu 19. Nhóm các sinh vật nào sau đây, được xếp vào bộ ăn thịt

- A. Trâu, bò, mèo, chó
- B. Gà, vịt, hổ, báo
- C. Hổ, báo, chó, mèo
- D. Trâu, bò, gà, vịt

Câu 20. Vi khuẩn thuộc giới nào?

- A. Khởi sinh.
- B. Động vật.
- C. Nấm.
- D. Thực vật

Phần II. Trắc nghiệm chọn đúng - sai. Thí sinh trả lời câu 1, câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (2,0 điểm)

Câu 21. Hòa tan 2 g muối ăn vào 200ml nước cất.

- a) Sản phẩm thu được là dung dịch
- b) Muối ăn được gọi là dung môi
- c) Có thể hòa tan vô hạn muối ăn vào nước
- d) Coi thể tích muối ăn không đáng kể thì thể tích nước muối thu được là 200ml

Câu 22. Sinh vật được cấu tạo nên từ đơn vị cơ bản là tế bào. Tế bào lớn lên và phân chia làm cho cơ thể sinh vật lớn lên

- a) Tế bào là đơn vị nhỏ nhất cấu tạo nên cơ thể sinh vật
- b) Tất các tế bào của cơ thể thực vật đều có khả năng phân chia
- c) Từ x tế bào ban đầu sau phân chia 1 lần tạo ra 2x tế bào con
- d) Từ x tế bào ban đầu sau k lần phân chia tạo ra x^k tế bào con

Phần III. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 23. Nêu các bước đo chiều dài?

Câu 24. Cho 1 số hỗn hợp sau em hãy chỉ ra cách phù hợp nhất để tách chất ra khỏi hỗn hợp

- a) Tách nước có lẫn đất
- b) Tách dầu ăn có lẫn nước
- c) Tách muối ăn ra khỏi nước muối
- d) Tách vàng ra khỏi cát

Câu 25. Tế bào phân chia như thế nào? Các tế bào ở bộ phận nào có khả năng phân chia?

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (5,0 điểm)

Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	C	A	B	A	D	D	B	C	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	D	D	B	A	B	C	C	A

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Câu 21	Đáp án
A	Đ
B	S
C	S
D	Đ

Câu 22	Đáp án
A	Đ
B	S
C	Đ
D	S

Phần III.

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 23 (1 điểm)	<p>Đo chiều dài cần thực hiện các bước như sau:</p> <p>Bước 1: Ước lượng chiều dài cần đo để chọn thước đo thích hợp.</p> <p>Bước 2: Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo, vạch số 0 của thước ngang với một đầu của vật.</p> <p>Bước 3: Mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh thước ở đầu kia của vật.</p> <p>Bước 4: Đọc kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kia của vật.</p> <p>Bước 5: Ghi kết quả đo theo ĐCNN của thước.</p>	<p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p> <p>0,2</p>
Câu 24 (1 điểm)	<p>a) Tách nước có lẫn đất sử dụng phương pháp: Lắng, gạn, lọc.</p> <p>b) Tách dầu ăn có lẫn nước: Do dầu ăn không tan trong nước và nhẹ hơn nước do đó có thể tách ra khỏi hỗn hợp với nước bằng cách chiết.</p> <p>c) Tách muối ăn ra khỏi nước muối: Dựa vào tính chất dễ tan trong nước, khó bay hơi, bền với nhiệt độ cao mà có thể tách muối ra khỏi dung dịch nước muối bằng cách cô cạn</p> <p>d) Tách vàng ra khỏi cát</p> <p>Người ta dùng phương pháp lắng. Do vàng nặng hơn cát nên khi để hỗn hợp trong nước vàng sẽ lắng xuống dưới, cát nổi lên trên, người ta gạt bỏ lớp cát để thu được vàng.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 25 (1 điểm)	<p>- Quá trình phân chia:</p> <p>+ Đầu tiên từ một nhân hình thành 2 nhân, tách xa nhau</p> <p>+ Sau đó chất tế bào được phân chia, xuất hiện vách ngăn, ngăn đôi tế bào cũ thành 2 tế bào con</p> <p>- Các tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia tạo tế bào mới</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,5 đ</p>

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm).

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*

Câu 1. Dụng cụ dùng để đo độ dài là:

- A.** cân **B.** thước mét **C.** xi lanh **D.** bình tràn

Câu 2. Dụng cụ dùng để đo thể tích chất lỏng là:

- A.** ca đong và bình chia độ **B.** bình tràn và bình chứa
C. bình tràn và ca đong **D.** bình chứa và bình chia độ

Câu 3. Trên một gói kẹo có ghi 200g. Số đó chỉ:

- A.** Khối lượng của gói kẹo **B.** Sức nặng của gói kẹo
C. Thể tích của gói kẹo **D.** Sức nặng và khối lượng của gói kẹo

Câu 4. Để xác định vận động viên chạy 100m người ta phải sử dụng loại đồng hồ nào sau đây?

- A.** Đồng hồ quả lắc. **B.** Đồng hồ hẹn giờ.
C. Đồng hồ bấm giây. **D.** Đồng hồ đeo tay.

Câu 5. Gió đã thổi căng phồng một cánh buồm. Gió đã tác dụng lên cánh buồm một lực nào trong số các lực sau:

- A.** Lực căng. **B.** Lực hút. **C.** Lực kéo. **D.** Lực đẩy.

Câu 6. Hai bạn An và Bình cùng đưa thùng hàng lên sàn ô tô (An đứng dưới đất còn Bình đứng trên thùng xe). Nhận xét nào về lực tác dụng của An và Bình lên thùng hàng sau đây là đúng?

- A.** An đẩy, Bình kéo **B.** An kéo, Bình đẩy
C. An và bình cùng đẩy **D.** An và Bình cùng kéo.

Câu 7. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không** tiếp xúc?

- A.** Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.
B. Gió thổi làm thuyền chuyển động.
C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.
D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

Câu 8. Đơn vị nào sau đây là đơn vị của lực?

- A.** Kilôgam (kg) **B.** Centimét (cm)
C. Niuton (N) **D.** Lít (L)

Câu 9. Khoa học tự nhiên là:

- A.** Nghiên cứu các sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên và ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến cuộc sống con người.
B. Sản xuất những công cụ giúp nâng cao đời sống con người.
C. Sản xuất những công cụ phục vụ học tập và sản xuất.
D. Sản xuất những thiết bị ứng dụng trong các lĩnh vực đời sống.

Câu 10. Thành phần không khí gồm những gì?

- A.** 21% Nitơ, 78% Oxygen, 1% khí khác.
B. 100% Nitơ.
C. 78% Nitơ, 21% Oxygen, 1% khí khác.
D. 100% Oxygen.

Câu 11. Dãy gồm các vật thể tự nhiên là:

- A. Con mèo, xe máy, con người.
- B. Bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối.
- C. Cây cam, quả nho, bánh ngọt.
- D. Con sư tử, đồi núi, mỏ cao su.

Câu 12: Vật liệu nào dưới đây được sử dụng ngoài mục đích xây dựng còn hướng tới bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững:

- A. Gỗ tự nhiên.
- B. Gạch không nung.
- C. Kim loại.
- D. Gạch chịu lửa.

Câu 13. Quặng bôxít dùng làm nguyên liệu để sản xuất

- A. Sắt.
- B. Nhôm.
- C. Gang.
- D. Thép.

Câu 14: Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào dưới đây?

- A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.
- B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.
- C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.
- D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

Câu 15: Khi sử dụng kính hiển vi để quan sát các vật nhỏ, người ta điều chỉnh theo cách nào sau đây?

- A. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách đưa toàn bộ ống kính lên hay xuống sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.
- B. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách giữ nguyên toàn bộ ống kính, đưa vật lại gần vật kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.
- C. Thay đổi khoảng cách giữa vật kính và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.
- D. Thay đổi khoảng cách giữa vật và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

Câu 16: Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
- B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Câu 17: Vì sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống?

- A. Nó có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản
- B. Nó có đầy đủ hết các loại bào quan cần thiết
- C. Nó có nhiều hình dạng khác nhau để thích nghi với các chức năng khác nhau
- D. Nó có nhiều kích thước khác nhau để đảm nhiệm các vai trò khác nhau

Câu 18: Từ một tế bào ban đầu, sau 2 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 4.
- B. 6.
- C. 8.
- D. 16.

Câu 19: Trong các nhóm sau, nhóm nào gồm toàn cơ thể đơn bào?

- A. Nấm men, vi khuẩn, giun đất.
- B. Trùng biến hình, nấm men, con bướm.
- C. Nấm men, vi khuẩn, trùng biến hình.
- D. Con thỏ, cây hoa mai, “cây” nấm rơm.

Câu 20: Miền Bắc nước ta gọi đây là quả roi đỏ, miền Nam gọi đây là quả mận. Dựa vào đâu để khẳng định hai cách gọi này cùng gọi chung một loài?

- A. Tên khoa học B. Tên địa phương
C. Tên dân gian D. Tên phổ thông

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời các ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Thả một thùng phi từ đỉnh một con dốc ta thấy thùng phi lăn được xuống chân dốc.

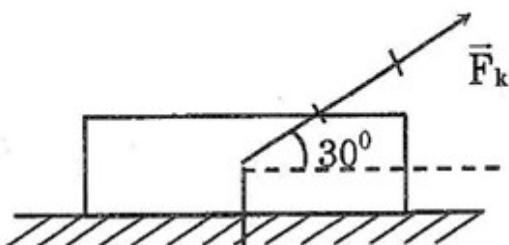
- a, Chuyển động của nó là nhờ tác dụng của trọng lực.
b, Trọng lượng của một vật được tính theo công thức: $P = 0,1.m$
c, Đơn vị của trọng lực là m
d, Trọng lực có Phương thẳng đứng, chiều hướng về phía Trái Đất

Câu 2: Vi khuẩn là sinh vật vô cùng nhỏ bé, có mặt ở khắp mọi nơi. Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về vi khuẩn?

- a, Bệnh tụ huyết trùng ở gà không phải do vi khuẩn gây nên.
b, Bệnh lao phổi do vi khuẩn lao xâm nhập vào phổi gây nên.
c, Vi khuẩn có cấu tạo đa bào
d, Vi khuẩn phân giải xác sinh vật thành chất dinh dưỡng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Diễn tả bằng lời các yếu tố của lực sau (biết 1cm ứng với 50N)



Câu 2 (1,0 điểm): Chu trình 3R là gì? Có nên tái sử dụng những chai nhựa có kí hiệu như hình không? Vì sao?

Câu 3 (1,0 điểm): Mô tả cấu tạo cơ quan sinh dưỡng của một cây xanh mà em quan sát được.

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

I. Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ/a	B	A	A	C	D	A	C	B	A	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ/a	D	B	B	A	A	C	A	A	C	A

II. Phần II: Trắc nghiệm đúng, sai.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a)	Đúng	2	a)	Sai
	b)	Sai		b)	Đúng
	c)	Sai		c)	Sai
	d)	Đúng		d)	Đúng

PHẦN 2. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

- Lực kéo có phương hợp với phương nằm ngang 1 góc 30°
- Chiều: trái sang phải
- Độ lớn: 150N

Câu 2: (1 điểm)

- Chu trình 3R là:
 - + Reduce: Giảm thiểu việc sử dụng.
 - + Reuse: Tái sử dụng.
 - + Recycle: Tái chế.
- Không nên tái sử dụng. Vì đây là kí hiệu chỉ loại nhựa chỉ sử dụng duy nhất một lần. Nếu dùng đi dùng lại có thể gia tăng nguy cơ làm hoà tan các hoá chất cấu tạo nên chúng, gây độc hại cho cơ thể. Chai nước khoáng, nước ngọt,... thường sử dụng loại nhựa này.

Câu 3: (1 điểm) Cấu tạo cơ quan sinh dưỡng của một cây xanh mà em quan sát được:

- Rễ: dạng chùm, gồm nhiều rễ nhỏ màu trắng.
- Thân : ngắn, phần cứng nối giữa rễ và phần bẹ lá.
- Lá : hình ống màu xanh với phần bẹ màu trắng xếp chồng lên nhau.

ĐỀ 3

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

A. Trắc nghiệm

I. Dạng thức 1 (4 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau

Câu 1. Kí hiệu Mg, K, Ba lần lượt là kí hiệu hóa học của các nguyên tố nào?

- A. Manganese, Potassium, Barium.
- B. Magnesium, Potassium, Beryllium.
- C. Magnesium, Potassium, Barium.

D. Manganese, Potassium, Beryllium.

Câu 2. Nguyên tố hóa học là gì?

- A.** Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt Proton trong hạt nhân.
- B.** Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt electron trong hạt nhân.
- C.** Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt ntron trong hạt nhân.
- D.** Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số khối trong hạt nhân.

Câu 3. Các nguyên tố hóa học trong bảng tuần hoàn được sắp xếp theo nguyên tắc nào?

- A.** Theo chiều tăng dần của nguyên tử khối.
- B.** Theo chiều tăng dần của phân tử khối.
- C.** Theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân.
- D.** Theo chiều tăng số lớp electron trong nguyên tử.

Câu 4. Có bao nhiêu nguyên tố phi kim trong số các nguyên tố sau: Na, Cl, Fe, K, Kr, Mg, Ba, C, N, S, Ar?

- A.** 2.
- B.** 3.
- C.** 4.
- D.** 5.

Câu 5. Trong các đơn vị sau đây, đơn vị nào là đơn vị đo tốc độ?

- A.** N.
- B.** Kg.
- C.** m.
- D.** m/s.

Câu 6. Tốc độ chuyển động của vật có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A.** Cho biết hướng chuyển động của vật.
- B.** Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
- C.** Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.
- D.** Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 7. Phương pháp tìm hiểu tự nhiên là

- A.** hoạt động con người chủ động tìm tòi, khám phá ra tri thức khoa học.
- B.** tìm hiểu về thế giới con người, mối quan hệ của con người với môi trường.
- C.** cách thức tìm hiểu các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và đời sống, chứng minh được các vấn đề trong thực tiễn bằng các dẫn chứng khoa học.
- D.** cách thức tìm hiểu về thế giới tự nhiên và những ứng dụng khoa học tự nhiên trong cuộc sống thông qua các phương tiện truyền thông như sách, báo, internet,...

Câu 8. Trong các phát biểu sau về tốc độ, phát biểu nào đúng nhất?

- A.** Tốc độ được tính bằng quãng đường vật đi được trong một khoảng thời gian xác định.
- B.** Tốc độ được tính bằng quãng đường vật đi được trong một giờ.
- C.** Tốc độ được tính bằng quãng đường vật đi được trong một giây.
- D.** Tốc độ được tính bằng quãng đường vật đi được trong một ngày.

Câu 9. Các yếu tố ngoài môi trường ảnh hưởng tới quang hợp là?

- A.** nước, hàm lượng khí cacbondioxide, hàm lượng khí oxygen.
- B.** nước, hàm lượng khí cacbondioxide, ánh sáng, nhiệt độ.
- C.** nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng.
- D.** nước, nhiệt độ, hàm lượng khí oxygen.

Câu 10. Cây xanh hô hấp vào thời gian nào ?

- A.** ban đêm.
- B.** buổi sáng.
- C.** cả ngày và đêm.
- D.** ban ngày.

Câu 11. Nước là dung môi hòa tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có?

- A.** nhiệt dung riêng cao.
- B.** liên kết hydrogen giữa các phân tử.

C. nhiệt bay hơi cao.

D. tính phân cực.

Câu 12. Sản phẩm của quang hợp là

A. nước, carbondioxide.

B. ánh sáng, diệp lục.

C. nước, glucose.

D. glucose, oxygen.

Câu 13. Trong quá trình quang hợp ở thực vật, các khí được trao đổi qua khí khổng như thế nào?

A. CO_2 và O_2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, hơi nước thoát ra ngoài.

B. CO_2 và O_2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra ngoài môi trường.

C. O_2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, CO_2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.

D. CO_2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, O_2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.

Câu 14. Theo khuyến nghị của Viện dinh dưỡng, trẻ vị thành niên nên bổ sung nước theo tỷ lệ 40ml/kg. Dựa vào trên e hãy tính lượng nước một sinh sinh có cân nặng 45kg cần uống trong 1 ngày?

A. 2000 ml.

B. 1500 ml.

C. 1800 ml.

D. 3000 ml

Câu 15. Ở thực vật, các chất nào dưới đây thường được vận chuyển từ rễ lên lá?

A. Chất hữu cơ và chất khoáng.

B. Nước và chất khoáng.

C. Chất hữu cơ và nước.

D. Nước, chất hữu cơ và chất khoáng.

Câu 16. Cây trồng nào dưới đây cần nhiều phân đạm hơn những cây còn lại?

A. Củ đậu.

B. Lạc.

C. Cà rốt.

D. Rau muống.

II. Dạng thức 2 (3 điểm)

Câu 17 (1 điểm): Nguyên tố hóa học có vai trò quan trọng đối với sự sống trên Trái Đất (vai trò trong quá trình hô hấp)

a) Đó là nguyên tố Oxygen.

b) Nguyên tố có 3 lớp electron.

c) Lớp electron ngoài cùng có 6 e.

d) Nguyên tố thuộc chu kì II.

Câu 18 (1 điểm): Tại trường THCS X có 4 học sinh lọt vào vòng chung kết cuộc thi đi bộ nhanh. Kết quả thi của 4 học sinh như sau:

Họ và tên	Quãng đường (m)	Thời gian (s)
Ngô Ngọc Linh	10	120
Nguyễn Hoài Nam	10	90
Phạm Quỳnh Anh	10	200
Trần Anh Tuấn	10	150

a) Người đi bộ lâu nhất là bạn Trần Anh Tuấn.

b) Tốc độ của bạn Nguyễn Hoài Nam là $1/9 \text{ m/s}$

c) Tốc độ của bạn Ngô Ngọc Linh là $1,2 \text{ m/s}$.

d) Tốc độ của bạn Nguyễn Hoài Nam nhanh hơn tốc độ của bạn Ngô Ngọc Linh, tốc độ của bạn Phạm Quỳnh Anh chậm hơn bạn Trần Anh Tuấn.

Câu 19 (1 điểm): Nước có vai trò rất quan trọng đối với sức khỏe con người. Theo khuyến nghị của viện Dinh dưỡng quốc gia trẻ vị thành niên cần bổ sung nước theo tỷ lệ 40ml/kg cân nặng. Dựa vào khuyến nghị trên em hãy cho biết các nhận định sau là đúng hay sai:

a, Học sinh lớp 8 cân nặng 50 kg thì cần uống 2000ml nước mỗi ngày.

b) Khi cơ thể đủ nước, các cơ quan sẽ hoạt động tốt, khoẻ mạnh.

c, Nhu cầu sử dụng nước của trẻ em đều giống nhau.

d, Trẻ em nặng 11-20 kg cần uống ít nhất 1 lít nước mỗi ngày.

B. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 20 (0,5 điểm): Viết ký hiệu hoá học của các nguyên tố hoá học sau: Hydrogen; Oxygen; Iron; Aluminium và Copper.

Câu 21 (0,5 điểm): Một người đi xe đạp từ thành phố A đến thành phố B sau khi đi được 8km với tốc độ 12km/h thì dừng lại để sửa xe trong 40 min, sau đó đi tiếp 12km còn lại với tốc độ 9 km/h. Thời gian người đó đi từ thành phố A đến thành phố B là bao nhiêu?

Câu 22 (1 điểm): Viết phương trình hô hấp ở tế bào ? So sánh các thành phần tham gia hô hấp ở tế bào động vật và tế bào thực vật ?

Câu 23 (1 điểm):

a. Giải thích vì sao cây bị héo khi thiếu nước?

b. Vì sao chúng ta nên ăn đa dạng các loại thức ăn mà không nên chỉ ăn một loại thức ăn dù loại thức ăn đó rất bổ dưỡng? Để đảm bảo sức khỏe chúng ta cần có chế độ dinh dưỡng và vận động như thế nào?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

A. Trắc nghiệm

I. Dạng thức 1 (4,0 điểm): Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0, 25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/A	C	A	C	C	D	C	C	A
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ/A	D	C	D	D	D	C	B	D

Phần II. Dạng thức 2 (3,0 điểm)

Câu 17	Câu 18	Câu 19
a. Đ	a. S	a.Đ
b. S	b. Đ	b.Đ
c. Đ	c. S	c.S
d. Đ	d. Đ	d.S

B. Tự luận: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 20 (0,5 điểm)	Viết đúng KHHH mỗi nguyên tố được 0,1 điểm Hydrogen: H Oxygen: O Iron: Fe Aluminium: Al	0,5 điểm

	Copper: Cu	
Câu 21 (0,5 điểm)	Đổi 40 min = $\frac{2}{3}$ h Thời gian đi 8km đầu: $t_1 = s/v = 8:12 = \frac{2}{3}$ h Thời gian đi hết 12 km tiếp theo: $t_2 = 12:9 = \frac{4}{3}$ h Tổng thời gian đi từ thành phố A đến thành phố B là: $t = \frac{2}{3} + \frac{2}{3} + \frac{4}{3} = \frac{8}{3}$ h	0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 22 (1,0 điểm)	Phương trình hô hấp $\text{Glucose} + \text{Oxygen} \rightarrow \text{Carbondioxide} + \text{Nước} + \text{ATP}$ So sánh : + Giống nhau : Đều sử dụng các nguyên liệu gồm chất hữu cơ và oxygen + Khác nhau : Chất hữu cơ mà tế bào thực vật sử dụng có nguồn gốc từ quang hợp, chất hữu cơ mà tế bào động vật sử dụng có nguồn gốc từ thức ăn	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 23 (1,0 điểm)	Tế bào thực vật chứa khoảng 70 % là nước, ở thực vật thủy sinh tỷ lệ này có thể lên đến 90% , TB thực vật khi có đủ nước sẽ cứng và chắc, ngược lại khi thiếu nước TB không duy trì được hình dạng mất sức trương nước dẫn đến hiện tượng cây bị héo .	0,5 điểm
	Chúng ta nên ăn đa dạng các loại thức ăn mà không nên chỉ ăn một loại thức ăn dù loại thức ăn đó rất bổ dưỡng vì: Một loại thức ăn chỉ chứa một số chất dinh dưỡng nhất định, không thể cung cấp đầy đủ số lượng và số loại chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Do đó, nếu chỉ ăn một loại thức ăn thì cơ thể sẽ bị thiếu hụt chất dinh dưỡng nào đó. Điều đó sẽ khiến cơ thể sẽ không thể hoạt động bình thường. Cơ thể cần đầy đủ chất dinh dưỡng để sinh trưởng và phát triển tốt. Để đảm bảo sức khỏe cần có các biện pháp : + Chế độ ăn uống hợp lí: ăn nhiều rau xanh, hạn chế dầu mỡ đường... + Luyện tập thể dục thể thao đều đặn, thường xuyên + Không dùng các chất kích thích có hại như rượu, bia, thuốc lá.....	0,25 điểm 0,25 điểm

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 MÔN KHTN 6

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1: Mở đầu về KHTN (17 tiết)	1. Mở đầu (7 tiết) - Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN - Nêu được cách đo, đơn vị đo, dụng cụ thường dùng để đo chiều dài.	1						1			2			12,5 %
2	Chủ đề 2: Chất quanh ta (7 tiết)	- Các thể (trạng thái) của chất - Sự đa dạng của chất - Ba thể cơ bản của chất - Sự chuyển đổi thể của chất	2	2								2	2		10 %
3	Chủ đề 3: Một số vật liệu và nguyên liệu, nhiên liệu, thực phẩm thông dụng (8 tiết)	- Nêu được ứng dụng một số nguyên liệu trong đời sống và sản xuất - Một số vật liệu và nguyên liệu, nhiên liệu, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về lương thực – thực phẩm.	2		1							2		1	7,5 %
4	Chủ đề 4: Hỗn hợp, tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)	- Nêu được khái niệm chất tinh khiết. - Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. - Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, tách chất ra khỏi hỗn hợp - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong	2			2	1	1			1	4	1	2	25%

		nước. - Tính được thể tích dung dịch.													
5	Chủ đề 5: Tế bào (9 tiết)	- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Khái niệm tế bào - Hình dạng và kích thước tế bào - Cấu tạo và chức năng tế bào - Sự lớn lên và sinh sản của tb - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).	2	2	1	2		2		1		4	3	3	32,5 %
6	Chủ đề 6: Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)	- Nhận biết được cơ thể sống - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào - Chỉ ra được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức cơ thể	2	1											7,5 %
7	Chủ đề 7: Đa dạng thế giới sống (9 tiết)	- Phân loại thế giới sống - Phân loại sinh vật dựa vào hệ thống phân loại sinh vật	1		1							1		1	5 %
Tổng số câu			12	5	3	4	1	3	1	1	1	17	7	7	31
Tổng số điểm			5 điểm			2 điểm			3 điểm			5 điểm	2,5 điểm	2,5 điểm	10 điểm
Tỷ lệ %			50%			20%			30%			50%	25%	25%	100 %

II. KHUNG BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo 3 mức độ)	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá		
				Trắc nghiệm khách quan		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng/Sai	

				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1 : Mở đầu về KHTN (17 tiết)	1. Mở đầu (7 tiết) – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.	NB: - Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN	C1								
		2. Các phép đo (10 tiết)	NB: - Nêu được cách đo, đơn vị đo, dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.							C23		
2	Chủ đề 2 : Chất quanh ta(7 tiết)	- Sự đa dạng của chất - Ba thể (trạng thái) cơ bản của - Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất	NB: - Các thể (trạng thái) của chất TH: - Sự đa dạng của chất - Ba thể cơ bản của chất - Sự chuyển đổi thể của chất	C2; C3	C4; C5							

3	<i>Chủ đề 3: Một số vật liệu và nguyên liệu, nhiên liệu, thực phẩm thông dụng (8 tiết)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng của chất - Ba thể (trạng thái) cơ bản của - Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất 	<p>NB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ứng dụng một số nguyên liệu trong đời sống và sản xuất - Một số vật liệu và nguyên liệu, nhiên liệu, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng <p>VD:</p> <p>Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về lương thực – thực phẩm.</p>	C6; C7		C8						
4	<i>Chủ đề 4: Hỗn hợp, tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)</i>	Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, tách chất ra khỏi hỗn hợp	<p>NB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm chất tinh khiết. - Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. <p>Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, tách chất ra khỏi hỗn hợp</p> <p>TH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước. <p>VD: Tính được thể tích dung dịch.</p>	C9; C10			C21(a, b)	C21 (c)	C21 (d)			C24
5	<i>Chủ đề 5: Tế bào (9 tiết)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm tế bào - Hình dạng và kích thước tế bào 	<p>NB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Khái niệm tế bào 	C12; C13	C14; C15	C11	C22 (a,b)		C22 (c,d)		C25	

		<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo và chức năng tế bào - Sự lớn lên và sinh sản của tb - Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng và kích thước tế bào - Cấu tạo và chức năng tế bào - Sự lớn lên và sinh sản của tb <p>TH: Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. VD: Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).</p>									
6	Chủ đề 6: Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tế bào đến mô - Từ mô đến cơ quan - Từ cơ quan đến hệ cơ quan - Từ hệ cơ quan đến cơ thể 	<p>NB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cơ thể sống - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào <p>TH:</p> <p>Chỉ ra được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức cơ thể</p>	C16;C17	C18							
7	Chủ đề 7: Đa dạng thế giới sống (10 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại thế giới sống - Khóa lưỡng phân - Virus, vi khuẩn 	<p>NB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại thế giới sống <p>VD: Phân loại sinh vật dựa vào hệ thống phân loại sinh vật</p>	C20	C19							
Tổng số câu				12	5	3	4	1	3	1	1	1
Tổng số điểm				5 điểm			2 điểm			3 điểm		
Tỷ lệ %				50%			20%			30%		

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ĐỀ 2

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai						Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng							
1	Chủ đề 1: Các phép đo (10 tiết)	Các phép đo (10 tiết)	2	2								2	2		1,0 (10%)
		Lực trong đời sống (16 tiết)	2	2		1a,b	1c,d				1	2,5	2,5	1	3 (30%)
2	Chủ đề 2: Giới thiệu về KHTN, .Ch	Giới thiệu về KHTN (3 tiết)	1									1			0,25 (2,5%)
		Chất quanh ta (7 tiết)	1	1								1	1		0,5 (5%)
	ất và sự biến đổi chất,Chất quanh ta, Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu	Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu (6 tiết)	2	1							1	2	1	1	1,75 (17,5%)
3	Chủ đề: Tế bào , Tế bào đến cơ thể, Đa dạng thế giới sống	Sử dụng kính lúp, kính hiển vi (2 tiết)	1									1			0,25 (2,5%)
		Tế bào (9 tiết)	2	1								2	1		0,75 (7,5%)
		Tế bào đến cơ thể (6 tiết)		1							1		1	1	1,25 (12,5%)
		Đa dạng thế giới sống (6 tiết)	1			1a,b	1c,d					1,5	0,25		1,25 (12,5%)
Tổng số câu			12	8		1	1				3	13	9	3	25
Tổng số điểm			5 điểm			2 điểm			3 điểm			4 điểm	3 điểm	3 điểm	10
Tỷ lệ %			50%			20%			30%			40%	30%	30%	100%

II. KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/	Nội dung/Đơn	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá
----	---------	--------------	------------------------------------	--

	Chương	vị kiến thức	3 mức độ)	Trắc nghiệm khách quan						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1: Các phép đo. Lực trong đời sống (10 tiết)	Đo khối lượng, đo thời gian, đo thể tích, đo chiều dài	- Biết: + Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thể tích của một vật. + Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. - Hiểu: + Hiểu được số đo ghi trên vỏ + Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.	1 (C1)								
		Lực trong đời sống (16 tiết)	- Biết: + Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. + Nêu được đơn vị lực đo lực. - Hiểu: + Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. + Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). - Vận dụng: Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.	1 (C5) 1 (C6)			1a,b					
				1(C7) 1(C8)			1c,d				1 (C21)	
2	Chủ đề 2: Giới	Giới thiệu về KHTN (3 tiết)	- Biết: Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.	1(C9)								

	thiệu về KHTN, . Chất và sự biến đổi chất, Chất quanh ta, Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu	Chất quanh ta (7 tiết)	<p>- Biết: Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).</p> <p>- Hiểu: Nhận ra được vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh trong thực tiễn</p>	1(C10)								
		Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu (6 tiết)	<p>- Biết: Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.</p> <p>- Hiểu: Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:</p> <p>+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;</p> <p>- Vận dụng: Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu thông dụng.</p>	1 (C12)	1 (C13)							
3	Chủ đề: Tế bào , Tế bào đến cơ thể, Đa dạng thế giới sống	Sử dụng kính lúp, kính hiển vi (2 tiết)	- Biết: Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.	1 (C15)								
		Tế bào (9 tiết)	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.</p> <p>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).</p>	1 (C16,17)	2 (18)							

1 (C22)

		Tế bào đến cơ thể (6 tiết)	Thông hiểu: - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). Vận dụng: + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;		1 (C19)							1 (C23)
		Đa dạng thế giới sống (6 tiết)	- Biết: + Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học. + Nêu được một số bệnh vi khuẩn gây ra. - Hiểu: + Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của vi khuẩn. + Nêu được một số vai trò và ứng dụng của vi khuẩn trong thực tiễn.	1 (C20)		1(a,b)			1(c) 1(d)			
Tổng số câu				12	8		1	1				3
Tổng số điểm				5 điểm			2 điểm			3 điểm		
Tỷ lệ %				50%			20%			30%		

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ĐỀ 3

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

ST T	Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá					Tổng số câu	Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan		Tự luận				
			Nhiều lựa chọn	Đúng /sai					

			Biết	Hiểu u	VD	Biết	Hiểu	V D	Biết t	Hiểu u	VD	Biết t	Hiểu u	VD	
1	Mở đầu	Trình bày một số phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN	C7									1			0,25
2	2. Nguyên tử. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Khái niệm và kí hiệu nguyên tố hóa học	C2									1			0,25
		Nguyên tắc xây dựng bảng HTTH	C3									1			0.25
		Viết CTHH và đọc tên 20 nguyên tố đầu tiên		C1						C20			2		0,75
		Sử dụng bảng HTTH xác định vị trí nguyên tố		C4		C17a, b	C17c, d					$\frac{1}{2}$ 0,5	$\frac{3}{2}$ 0,75		1,25
3	3. Tốc độ	Ý nghĩa vật lí của tốc độ	C6									1			0,25
		Liệt kê một số đơn vị đo tốc độ	C5									1			0,25
		Tốc độ = quãng đường đi/thời gian đi hết quãng đường		C8									1		0,25

		Xác định tốc độ				C18a, b	C18c, d				C2 1	$\frac{1}{2}$ 0,5	$\frac{1}{2}$ 0,5	1 0,5	1,5
4. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	Nêu một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp TB.	C9, C10										2			0,5
	Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.	C11										1			0,25
	Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất DD ở TV					C19a, b	C19c, d					$\frac{1}{2}$ 0,5	$\frac{1}{2}$ 0,5		1
	Nêu được sản phẩm của quá trình quang hợp		C12										1		0,25
	Viết được PT hô hấp TB									C22				1	1
	Mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá		C13										1		0,25

		Sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ và mạch dây		C15									1		0,25
		Nêu nhu cầu sử dụng nước		C14									1		0,25
		Vận dụng được hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng									C2 3			1	1
		Vận dụng những hiểu biết về vai trò của nước và chất dinh dưỡng			C16									1	0,25
	Tổng số câu		8	7	1	1,5	1,5			2	2	9,5	9,5	4	23
	Tổng điểm số		2	1,75	0,25	1,5	1,5			1,5	1,5	3,5	3,25	3,25	10,0
	Tỷ lệ %		40%			30%			30%						100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

STT	Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá	
				Trắc nghiệm khách quan	Tự luận

		thức		Nhiều lựa chọn			Đúng /sai					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD			
1	Mở đầu	Trình bày một số phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN	- NB: Trình bày được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên.	C7								
2	2. Nguyên tử. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Khái niệm và kí hiệu nguyên tố hóa học	- NB: Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. + Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.	C2								
		Nguyên tắc xây dựng bảng HTTH	- TH: Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.	C3								
		Viết CTHH và đọc tên 20 nguyên tố đầu tiên	+ Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.		C1						C20	
		Sử dụng bảng HTTH xác định vị trí nguyên tố			C4		C17a,b	C17c,d				
3	3. Tốc độ	Ý nghĩa vật lí của tốc độ	- NB: Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ.	C6								
		Liệt kê một số đơn vị đo	+ Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.	C5								

		tốc độ	<p>- TH: Tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó.</p> <p>- VD: Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng.</p>										
		Tốc độ = quãng đường đi/thời gian đi hết quãng đường			C8								
		Xác định tốc độ					C18a,b	C18c,d					C21
4. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	Nêu một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp TB.	– NB: được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. + Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.	C9, C10										
	Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.	– TH: Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp.	C11										
	Nêu được sản phẩm của quá trình quang hợp	Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.	C12										
	Viết được PT hô hấp TB										C22		

		Mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá	+ Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải.		C13								
		Sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ và mạch dây	+ Mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).		C15								
		Nhu cầu sử dụng nước			C14		C19a,b	C19c,d					
		Vận dụng được hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng	+ Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người). – VD: Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). + Vận dụng những hiểu biết về vai trò của nước và chất dinh dưỡng										C23
		Vận dụng những hiểu biết về vai trò của nước và chất dinh dưỡng				C16							

			tế									
	Tổng số câu			8	7	1	1,5	1,5			2	2
	Tổng điểm số			2	1,75	0,25	1,5	1,5			1,5	1,5
	Tỷ lệ %			40%			30%			30%		